# TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI THU LAO

LÊ VĂN BÉ

Người Thu Lao tự nhận mình là Đày (có lẽ là sự biến âm của Tày hay Táy), được phân biệt qua một số đặc điểm y phục phụ nữ; còn y phục nam giới hầu như không còn dấu vết gì của trang phục truyền thống. Đây là nhóm địa phương của dân tộc Tày, cư trú ở các huyện Mường Khương, Bắc Hà của tỉnh Lào Cai và vẫn chưa được nhiều học giả quan tâm (*). Bài viết này tìm hiểu về trang phục - một khía cạnh văn hoá vật chất của người người Thu Lao.

**1. Nguyên liệu làm trang phục**

Người Thu Lao biết trồng bông dệt vải từ xa xưa. Cây bông (*cò phằng*) được trồng trên rẫy nơi đất tơi xốp, có nhiều mùn. Đất trồng bông có hai loại: đất ở nương mới phát và đất ở nương sử dụng nhiều năm. Bông được trồng vào tháng hai, tháng ba âm lịch và thu hoạch vào tháng 6, tháng 7. Ở những nương canh tác lâu năm, đồng bào trồng bông bằng cách cuốc hố gieo hạt rồi lấp một lớp đất mỏng; còn ở nương mới phát thì dùng gậy chọc lỗ tra hạt. Theo tập quán, đồng bào chọn ngày tốt và huy động mọi thành viên trong gia đình để có một vụ bông bội thu. Khi bông lên cao khoảng 20-30cm đồng bào làm cỏ đợt đầu, sau đó một tháng lại làm cỏ đợt hai và tỉa bớt cây nhỏ, cây mảnh, chỉ để mỗi hốc 2-3 cây. Khoảng hơn 3 tháng tuổi, cây bông mọc cao 50-60 cm và bắt đầu ra hoa kết quả. Khi quả khô nở bung ra là lúc được thu hoạch. Đồng bào thu hoạch bông bằng cách lấy tay hái từng quả. Bông nở thành từng đợt, thường đợt đầu là những quả bông to. Theo kinh nghiệm của đồng bào, nếu trồng bông nơi đất tốt, mỗi cây cho từ 50 – 100 quả. Để bông có chất lượng cao, dễ rút sợi, thì khi thu hoạch bông về người ta tiến hành chọn những quả bông tốt, loại bỏ những quả xấu, hỏng rồi đem phơi nắng.

Bông thu hoạch về còn có cả hạt nên phải cán để tách hạt ra khỏi quả bông. Dụng cụ cán bông gồm có hai thanh gỗ đứng cao khoảng 50 cm được cố định bởi một thanh gỗ phía dưới và hai thanh gỗ tròn phía trên đặt sát nhau. Đầu ngoài của hai thanh gỗ tròn có rãnh xoắn, khi quay các rãnh xoắn sẽ làm khít hai trục quay. Thanh gỗ tròn phía dưới của trục quay được gắn một tay quay để khi cán bông người ta kéo bông theo hai trục quay này. Khi cán, người ta cho bông vào giữa hai trục và quay cho sợi bông chạy qua kẽ của hai trục để tách hạt bông ra.

Khi đã có bông sạch, người Thu Lao tiến hành bật bông để bông tơi, xốp và cuộn thành con bông trước khi kéo sợi. Dụng cụ bật bông là một cái cần và một sợi dây. Cần là thanh gỗ vừa chắc, vừa

* Năm 1973, Ngô Đức Thịnh và Chu Thái Sơn đã tìm hiểu về *Người Thu Lao ở Lào Cai* và công bố trong Thông báo Dân tộc học số 3 – 1973 (tr. 77-81), sau đó công bố lại trong cuốn sách *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam* (Nxb. Khoa học xã hội, H. 1975, tr. 256 – 273); từ đó đến nay chưa có tác giả nào tiếp tục nghiên cứu về nhóm người này.

dẻo, ở giữa hình trụ, hai đầu vót nhọn để đảm bảo độ bật và dây thường làm bằng sợi gai. Khi bật người ta rải bông đều trên một mặt phẳng, rồi cho dây bắn vào bông. Bắn nhiều lần như vậy bông sẽ tơi, xốp. Bông bật xong quấn thành từng con để khi kéo sợi được dễ dàng. Dụng cụ cuốn bông là miếng gỗ hình chữ nhật 20x30cm và một que nhỏ vót tròn như que đan len. Khi quấn, đồng bào trải bông đã bật lên mặt gỗ, đặt que nhỏ lên trên bông và lăn cho bông quấn xung quanh rồi rút que ra là được một con bông. Một điều chú ý là khi rút que ra phải làm cẩn thận để đầu con bông tròn đều, không bị xơ; các cuộn bông nhỏ này phải được giữ sạch và không để rối.

Rút sợi là dùng xa để biến những con bông thành sợi dài. Đây là công việc khó, yêu cầu kỹ thuật cao, khéo léo và mất nhiều thời gian mới tạo ra được những sợi bông theo ý muốn. Xa kéo sợi gồm guồng quay, suốt cuốn sợi đặt trên 2 đầu của một thanh gỗ và nối với nhau bằng một sợi dây "cu roa". Người thao tác kéo sợi, tay phải quay guồng, tay trái cầm con bông vê thành sợi cuộn vào suốt. Vê bông thành sợi dài, đều, không đứt là một nghệ thuật. Khi rút được sợi, người ta guồng thành các tay sợi lớn để tiện cho việc hồ sợi và giăng sợi vào khung dệt.

Do sống gần gũi với người Nùng Dín, người Hmông nên ngoài nguyên liệu sợi bông, người Thu Lao còn tiếp thu kỹ thuật làm trang phục của các dân tộc láng giềng khi dùng sợi lanh để dệt vải làm váy.

*Phụ nữ Thu Lao đang kéo sợi*

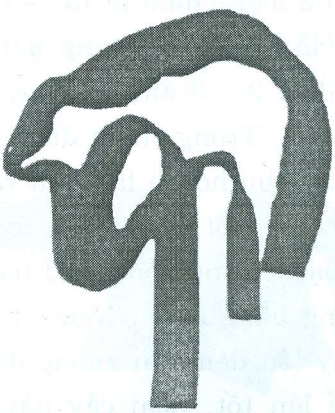

*Khăn đội đầu của phụ nữ Thu Lao*

Khung dệt của người Thu Lao làm bằng gỗ hoặc tre, hình chữ nhật, dài khoảng hơn sải tay, rộng nửa sải và cao gần một sải tay, trông giống khung dệt của các dân tộc Tày, Nùng, Thái. Khung dệt có các bộ phận chủ yếu như: hệ thống căng sợi, chỗ người ngồi điều khiển, bàn đạp go, lược dập sợi, bộ phận cuộn vải đã dệt, go chính, go phụ, que chia sợi và thoi đưa sợi ngang. Với bộ khung dệt này đồng bào dệt được loại vải khổ rộng 25-30cm. Theo đồng bào, dệt vải loại nào thì dùng go loại đó. Nếu dệt vải làm khăn, may áo trẻ em thì chỉ dệt khổ 15 – 20cm; còn may áo, quần, váy người lớn phải dệt khổ 30cm. Mỗi ngày người thợ dệt dệt được 1 - 2 sải vải, trong khi may một bộ váy áo của của phụ nữ hết khoảng 6 – 7 sải. Do vậy, để có vải phục vụ nhu cầu may mặc trong

gia đình, người phụ nữ phải tranh thủ mọi thời gian trong năm để se sợi, dệt vải.

Vải dệt xong được hồ bằng nước cháo gạo hoặc bột sắn. Cách hồ là nấu cháo gạo hay bột sắn thật nhừ rồi cho vải vào ngâm 20 – 30 phút, sau vớt ra máng gỗ để cho nước cháo chảy hết thì đem phơi khô. Vải hồ 2 - 3 lần là được. Sau khi hồ xong, giặt sạch phơi khô cất vào rương, hòm.

Vải dệt từ sợi bông, sợi lanh có màu trắng, nên trước khi may y phục người Thu Lao thường phải tiến hành nhuộm vải. Để có màu chàm đen, họ phải chế biến cao chàm làm thuốc nhuộm. Cao chàm làm từ nước của cây chàm và chế biến cũng giống như cách làm của các dân tộc Tày, Nùng, Thái. Cây chàm ở vùng này có 2 loại: chàm lá to và chàm lá nhỏ. Chàm lá nhỏ trồng bằng hạt trên nương vào tháng 2 – 3 âm lịch, cây nọ cách cây kia 1 mét. Trồng chàm được 3 tháng tuổi là có thể thu hoạch lần đầu và cứ 3 tháng thu hoạch một lần. Loại cây này có thể thu hoạch trong vòng 2, 3 năm. Chàm lá to trồng bằng cành. Người ta cắt cành ở các cây lớn đem vùi xuống đất ẩm là cây có thể lên tốt. Loại cây này trồng xung quanh nhà, ven bờ suối, bờ ao. Chàm lá to có tuổi thọ lâu, có thể thu hoạch trong vòng 4, 5 năm và mỗi năm thu hái 2, 3 lần. Chàm thu hái về, sau khi loại bỏ những lá nhỏ, lá bị sâu..., người ta để cả cành (chàm lá to), hoặc cây (chàm lá nhỏ) vào thùng ngâm với nước vôi 5, 6 ngày cho chàm thối ra, lá rụng hết thì vớt bỏ cành, bã và rác bẩn. Sau đó để lắng trong khoảng 3, 4 giờ đồng hồ rồi chắt nước trong ở trên. Nước chàm đặc đọng lại phía dưới gọi là cao chàm. Khi nhuộm vải, đồng bào lấy cao chàm hoà với nước và các phụ gia khác để nhuộm. Vải cho vào nước chàm ngâm 15 – 20 phút sau đó vớt ra đặt lên máng gỗ to để nước chàm thừa chảy lại vào thùng rồi lấy vải ra đem phơi khô. Theo kinh nghiệm của đồng bào, vải nên nhuộm khoảng 10 lần và nhất là phơi vải ở chỗ bóng râm, thoáng thì mới bền màu và đẹp.

## 2. Y phục

### - Y phục nữ giới

Phụ nữ Thu Lao mặc váy (*sấn*), áo (*sứ*), đội khăn (*mớt thừ*), mang tạp dề (*ủ gieo*), chân đi giày hài (*thừ nứ*), búi tóc lên đỉnh đầu, không cài trâm mà buộc búi tóc bằng khăn.

Áo của phụ nữ Thu Lao là áo ngắn 5 thân, khuy vải cài nách bên phải, được may hai lớp, lớp ngoài dầy, lớp trong mỏng, nẹp ngực nhỏ cùng màu vải áo và khâu liền với cổ áo. Kiểu áo 5 thân này được may bằng cách lấy một mảnh vải vắt qua vai sao cho đủ cả chiều dài vạt trước và vạt sau; lấy một mảnh vải khác vắt qua vai tới đủ chiều dài vạt sau, còn vạt trước chỉ cần đến ngang bụng, phần thân ngắn này sẽ là thân phụ phía trong. Khi khâu, người ta cắt tiếp một thân trước bên phải để khâu nối liền với thân bên trái. Thân này tạo nẹp ngực và khép vào để cài cúc bên nách phải. Như vậy, áo xẻ từ cổ chéo qua nách phải, cài một cúc ở cổ, một cúc ở đỉnh tà và một cúc ở nách phải. Ống tay áo được nối thêm vải cho dài đến cổ tay. Đầu ống tay áo may một miếng vải khác mầu khoảng 3 - 4 cm, hai đầu mảnh vải này thêu hai đường chỉ đỏ và chỉ xanh.

Váy của người Thu Lao là loại váy mở, được ghép từ 9 - 12 mảnh vải tự dệt, với 18- 24 đường chỉ khâu suốt theo thân váy thành một tấm vải. Váy có 3 phần: đầu váy, thân váy và gấu váy. Đầu váy có hai phần, gồm một dây vải màu đỏ hoặc trắng dài hơn một sải tay làm dây buộc quanh bụng và một mảnh vải có hoa văn, rộng 5 – 10cm dài gấp đôi vòng bụng, nối liền dây buộc váy với thân váy (thường thân váy rộng khoảng 3-3,5m), vì thế phần trên của thân váy phải xếp ly cho vừa với đầu váy. Thân váy là những mảnh vải tự dệt cắt vừa từ bụng đến mắt cá chân. Gấu váy phía bên trong được đáp thêm miếng vải khác mầu để vừa tăng thêm vẻ đẹp của váy, đồng thời làm cho gấu váy cứng hơn. Khâu váy kiểu này khi xòe ra thì đầu váy và gấu váy tạo thành hình tròn. Đây là loại váy khác hẳn với váy của người Thái, người Tày và cả váy xoè của người Hmông, song rất giống kiểu váy của người Nùng Dín, nhưng khi mặc họ không kéo thành túm ở phía sau lưng như người Nùng Dín mà thôi.

Cách búi tóc và quấn khăn của người Thu Lao như sau: Phụ nữ để tóc dài, sau khi chải xong, họ lấy hai dây vải (*tả lềnh thừ*) có bản rộng 0,2 - 0,3cm, dài 2 sải tay (3m) quấn từ đỉnh đầu đến hết đuôi tóc và buộc chặt sợi dây này với lọn tóc; sau đó quấn tóc cao lên đỉnh đầu như cách quấn tóc của phụ nữ Thái đã có chồng. Tiếp theo, họ lấy một cái khăn dài 2,5 sải tay (3 - 4m), rộng 1 gang tay (20cm) gấp làm bốn theo chiều dọc rồi quấn quanh búi tóc ở đỉnh đầu, thả hai đầu khăn ra sau lưng. Phụ nữ đội khăn kiểu này gọi là *thừ xề* và chính cách đội khăn như thế mà người Thu Lao còn có tên gọi là *Đày Thừ Xề* hay *Đày Cấu Xề*.

*Trang phục của nữ và nam Thu Lao*

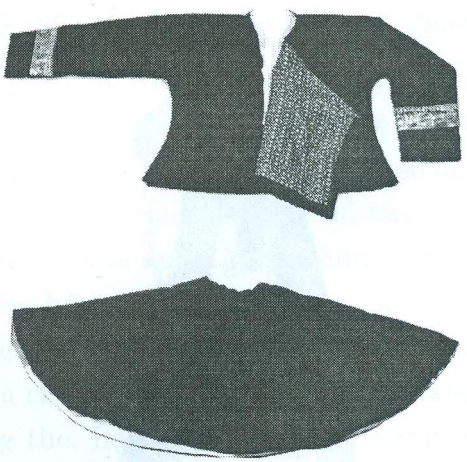

Áo và váy của nữ *giới Thu Lao*

Sau khi mặc áo váy, người Thu Lao quấn thắt lưng (*xả giang*) ngang bụng để giữ chặt chiếc váy trên người. Thắt lưng là tấm vải mầu chàm rộng khoảng 20cm, dài hơn sải tay, đầu thắt lưng không có tua, không trang trí hoa văn mà viền chỉ đỏ,

chỉ xanh. Khi thắt, người ta quấn quanh bụng 2 vòng, rồi thắt mối và thả 2 đầu ra sau lưng.

Phụ nữ Thu Lao đi làm ruộng, nương, lên rừng lấy củi,... thường buộc tạp dề trước bụng và quấn xà cạp (*kho piềng*) ở chân. Tạp dề của người Thu Lao giống tạp dề người Tày, Nùng. Đó là miếng vải hình chữ nhật rộng bằng 2 khổ vải tự dệt (60cm), dài từ bụng xuống đến mắt cá chân, mầu chàm đen không trang trí hoa văn; đầu tạp dề khâu 2 dây để buộc vào bụng. Xà cạp của người Thu Lao có hình tam giác, đầu nhọn của tam giác khâu dây buộc vào bắp chân. Họ quấn xà cạp từ cổ chân đến hết bắp chân để chống rét, phòng ngừa côn trùng cắn và cho đỡ mỏi bắp chân khi leo núi.

Trước đây phụ nữ Thu Lao thường dùng hài tự khâu - một loại hài rất phổ biến ở các dân tộc dọc biên giới phía Bắc. Ngày nay, họ sử dụng các loại giầy, dép mua ở các chợ trong nước hoặc các loại dép nhựa có quai hậu, giầy vải mua ở các chợ bên Trung Quốc.

Khi ra đường, phụ nữ Thu Lao thường đội nón nan, kiểu rộng vành có chóp bằng. Loại nón này phổ biến ở các dân tộc dọc biên giới Việt –Trung.

**- Y phục nam giới**

Quần áo nam giới Thu Lao giống quần áo người Nùng, người Tày. Bộ y phục của họ gồm có khăn quấn đầu, áo, quần (*quả*) và giầy. Trước đây nam giới để tóc dài, búi tóc, quấn khăn vành quanh đầu. Khăn của nam giới không khác gì khăn của phụ nữ. Họ thường mặc áo cánh mầu chàm, có 3 túi vải - 1 túi trên và 2 túi dưới; áo cổ đứng và có hàng cúc vải 7 chiếc. Quần của nam giới là loại quần chân què, cạp lá tọa, ống rộng 30 – 35 cm. Hiện nay nam giới Thu Lao đang có xu thế mặc âu phục như người Kinh.

*Cách quấn khăn đầu của nữ giới Thu Lao*

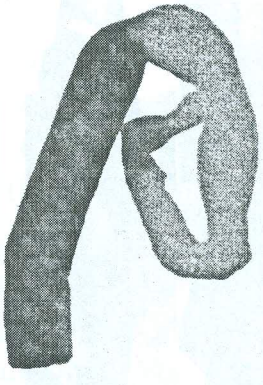

*Thắt lưng của nữ giới Thu Lao*

**- Y phục trẻ em**

Trẻ em lúc mới sinh chỉ được quấn, ủ bằng những miếng vải lấy từ quần áo cũ của bố mẹ; chỉ từ 1 tuổi trở lên mới được cắt may quần áo. Ngày nay, trẻ em có xu hướng mặc đồ may sẵn được bán nhiều ở chợ. Tuổi thơ của chúng gắn liền với chiếc mũ truyền thống của dân tộc, được khâu bằng 4 múi vải chàm, xung quanh thành mũ có trang trí hoa văn hình sao 8 cánh,

hoặc hình con cá, hay các chữ Hán... Mũ trẻ em gái được trang trí sặc sỡ hơn mũ em trai.

Trẻ em khi còn nhỏ được bố mẹ địu (đồ) bên mình. Địu của người Thu Lao có hình tam giác, từ đỉnh đến đáy dài 1m, quai địu dài 3 sải tay, mặt địu được trang trí hoa văn rất đẹp.

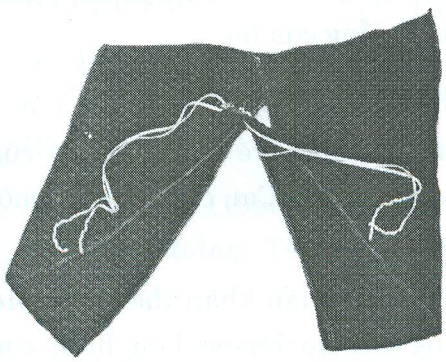

*Xà cạp của nữ giới Thu Lao*

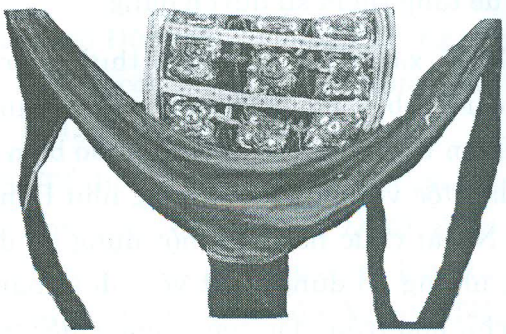

*Địu của trẻ em Thu Lao*

Qua khảo sát chúng tôi thấy, ngoài bộ y phục thường ngày như đã mô tả, người Thu Lao không có lễ phục trong cưới xin, lễ hội. Trong ngày cưới, cô dâu, chú rể vẫn mặc kiểu y phục hàng ngày nhưng được may mới. Khi đi làm, người ta mặc những bộ quần áo cũ, thậm chí cả những bộ quần áo đã thay hoặc nối tà, ghép thêm vai. Các thầy cúng của người Thu Lao cũng không có y phục riêng khi hành nghề. Khi có tang ma, người Thu Lao chỉ chít thêm chiếc khăn trắng, ở họ cũng không có tang phục riêng.

### 3. Trang sức

Ngoài y phục, người Thu Lao còn dùng đồ trang sức như vòng cổ (*khuôn hu*), vòng tay (*khuôn*), khuyên tai (*xá u*), nhẫn (*sẻn mừ*), trâm (*mất gio thừ*), răng vàng (*vàn đòng*) và túi khoác. Các đồ trang sức người của Thu Lao làm thường bằng vàng (*đòng*), bạc (*ngà*), đồng (*chạn*), sắt mạ (*lạc*)... Trước đây, có một số người biết làm đồ trang sức. Ngày nay họ mua của các dân tộc Kinh, Hán, Dao. Người lớn, trẻ em, cả nam và nữ đều có đồ trang sức, nhưng phụ nữ và trẻ em sử dụng nhiều hơn. Khi còn nhỏ, cả bé trai và bé gái đều đeo vòng cổ, vòng tay bằng bạc. Theo quan niệm của đồng bào, đeo các đồ trang sức trên còn để xua đuổi tà ma không cho làm hại đến hồn vía. Khi lớn lên, nam giới thường không đeo vòng tay, vòng cổ, hoa tai, mà chỉ đeo nhẫn. Sau khi được làm lễ thượng thọ, họ mới mới đeo lại vòng tay. Người Thu Lao quan niệm bạc là thứ kỵ gió và như một loại bùa hộ mệnh nên trẻ và già sử dụng là để bảo vệ sức khỏe. Hầu như người phụ nữ nào cũng có vòng cổ, vòng tay, hoa tai, nhẫn và trâm cài tóc. Trâm thường được làm bằng sừng một đầu nhọn, một đầu dẹt như cán thìa (chiếc

trâm còn dùng để gãi đầu khi bị ngứa). Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, nhẫn của người Thu Lao không khác gì của người Tày, Nùng và một số dân tộc ở vùng biên giới phía Bắc. Phụ nữ khi trưởng thành thường có thói quen bịt răng vàng ở hàm trên để tăng thêm sự duyên dáng.

Khi đi xa, người Thu Lao thường đeo một cái túi bên người, túi được may bằng vải chàm tự dệt. Đây là loại túi phổ biến ở các dân tộc vùng Tây Bắc cũng như Đông Bắc. Ngoài chức năng là một dụng cụ để đựng những đồ dùng thiết yếu như khăn, kim chỉ, hộp trầu, dao con,... qua chiếc túi người ta còn phân biệt giới tính của người đeo nó. Nam giới Thu Lao thường đeo chiếc túi không có trang trí hoa văn cầu kỳ, còn phụ nữ dùng loại túi cắt may cầu kỳ hơn: trên miệng túi và hai bên túi viền chỉ màu đỏ, thành túi thêu hoa văn hình bông hoa hoặc ngôi sao tám cánh màu sắc sặc sỡ. Quai túi dệt bằng sợi tơ tằm có hoa văn rất đẹp. Người già dùng chiếc túi như chiếc tay nải, có thể đeo bên hông, xách hoặc gánh. Cách cắt may túi này như sau: lấy một miếng vải hình chữ nhật có chiều dài khoảng 2m, rộng 40cm, gấp 2 góc đối diện tạo thành một hình bình hành, sau đó gấp tiếp đường chéo ngắn của hình bình hành rồi khâu hai bên mép lại, sẽ được một cái túi có 2 góc nhọn làm quai.

**4. Hoa văn trên y phục**

Người Thu Lao rất ít trang trí hoa văn trên y phục, nhất là y phục của nam giới. Trên y phục của nữ, hoa văn được trang trí nhiều hơn chẳng hạn ở đầu khăn, cổ áo, nẹp tà, đầu ống tay áo, cạp váy. Chiếc khăn đội đầu của người Thu Lao được viền chỉ đỏ; cổ áo, nẹp tà, đầu ống tay áo đều có thêu các đường thẳng song song; trên cạp váy có trang trí các mảng hoa văn với hình sao 8 cánh, đường sóng nước, hình quả trám,... Có thể nói, trang trí trên y phục của người Thu Lao giống cách trang trí trên y phục của người Nùng - láng giềng của họ.

**5. Một vài nhận xét**

Qua tìm hiểu về trang phục của người Thu Lao ở Lào Cai, chúng tôi có một số nhận xét như sau:

1. Ngoài cách quấn khăn theo kiểu *thừ xề* và hàng cúc áo không làm hình con bướm bằng bạc, cách cắt may áo, váy, tạp dề, xà cạp và khâu giầy hài của người phụ nữ Thu Lao khá giống với nhóm Nùng Dín. Điều này còn có thể thấy qua ngôn ngữ: những từ chỉ các bộ phận trên trang phục trong tiếng Thu Lao và tiếng Nùng rất giống nhau, chỉ khác nhau ở âm lượng nặng nhẹ mà thôi.

2. Hiện nay do tác động của kinh tế thị trường, sự giao lưu giữa hai bên biên giới Việt – Trung ngày càng được mở rộng, trang phục của người Thu Lao đanốcc xu hướng thay đổi nhanh chóng. Nhiều bộ phận y phục được đồng bào mua của người đồng tộc bên kia biên giới hoặc mua của người Kinh. Điều này thể hiện rất rõ trong y phục của nam giới, nhất là ở lớp trẻ.

3. Xét trên khía cạnh trang phục có thể nhận thấy người Thu Lao rất gần gũi với dân tộc Nùng và Thái; trong đó, gần gũi nhất là với nhóm Nùng Dín. Nhóm này là một bộ phận trong khối cư dân Choang ở miền Nam Trung Quốc. Trước đây, do

nhiều lý do khác nhau, họ đã chuyển cư sang Việt Nam.

**Tài liệu tham khảo**


1. Ban Dân tộc Tuyên Quang (1972), *Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang*, Ban Dân tộc Tuyên Quang xuất bản.
2. Lê Bé (1983), "Dân tộc Nùng" trong *Sổ tay về các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 131-136.
3. Lê Văn Bé (1996), *Trang phục Nùng An ở Cao Bằng*, Tc Dân tộc học, Số 2, tr. 84 - 89.
4. Lê Văn Bé (1997), *Trang phục Nùng ở vùng Đông Bắc Việt Nam (Vài nét về nguồn gốc tộc người có ảnh hưởng đến trang phục)*, Tc Dân tộc học, Số 4, tr. 23 - 29.
5. Lê Văn Bé (2000), *Trang phục của người Nùng ở tỉnh Lạng Sơn*, Tc Dân tộc học, Số 1, tr. 61-74.
6. Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Bế Viết Đẳng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Chí Huyên - Kim Quý (1992), *Trang phục của người Dao Quần chẹt hiện nay (Qua một số địa chỉ ở huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang)*, Tc Dân tộc học, Số 3, tr. 16 - 21.
9. Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Hoàng Nam (1992), *Dân tộc Nùng ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
11. Lê Ngọc Quyền (1991), *Nữ phục Nùng Dín ở Hà Tuyên*, Tc Dân tộc học, Số 3, tr. 55 - 58.
12. Ngô Đức Thịnh (1994), *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
13. Tổ điều tra lịch sử xã hội các dân tộc tỉnh Vân Nam (1963), *Di tộc giản giới*, Vân Nam Nhân dân xuất bản xã, Côn Minh, (bản dịch của Viện DTH), Ký hiệu D 135.
14. Tổng cục Thống kê (8-2001), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
15. Vưu Trung (1979), *Trung Quốc tây nam đích cổ đại dân tộc*, Vân Nam Nhân dân xuất bản xã, Côn Minh, (bản dịch của Viện DTH).
16. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc, Tập thể tác giả)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Viện Dân tộc học (1983), *Sổ tay về các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Viện Dân tộc học (1975), *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.